

# THỰC HIỆN PHƯƠNG CHÂM “DÂN BIẾT, DÂN BÀN, DÂN LÀM, DÂN KIỂM TRA, DÂN GIÁM SÁT, DÂN THỤ HƯỞNG” TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG

TRẦN NGỌC NGOẠN

**Tóm tắt:** Bảo vệ môi trường (BVMT) là một trong những mục tiêu cơ bản của sự phát triển bền vững; đồng thời cũng là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người dân. Phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” đã được cụ thể hóa không chỉ trong Luật Bảo vệ môi trường mà đã được hiện thực hóa trong các hoạt động khác như: qua các hoạt động truyền thông về BVMT; qua thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; qua các hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội; qua mô hình hoạt động xã hội hóa BVMT; qua việc nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư; qua các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án phát triển kinh tế - xã hội và BVMT. Tuy nhiên, để hiện thực hóa phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề liên quan cần tháo gỡ. Từ thực trạng đặt ra, bài báo đã đề xuất một số khuyến nghị: cần thể chế hóa quan điểm của Đảng trong bảo vệ môi trường, dựa trên nguyên tắc tiếp cận theo Quyền “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” đảm bảo tính minh bạch, để xây dựng các quy định cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư chủ động tham gia vào hoạt động BVMT.

## IMPLEMENTATION OF THE MOTTO "PEOPLE KNOW, PEOPLE DISCUSS, PEOPLE DO, PEOPLE INSPECT, PEOPLE SUPERVISE, AND PEOPLE BENEFIT" IN ENVIRONMENTAL PROTECTION ACTIVITIES UNDER THE VCP'S RESOLUTIONS

**Abstract:** Environmental protection is one of the basic goals of sustainable development. At the same time, it is also the rights and obligations of every organization, every family and every citizen. The motto “*People know, people discuss, people do, people inspect, people monitor, people benefit*” has been legislated not only in the Law on Environmental Protection but also realized through such activities as communication activities on environmental protection; the implementation of grassroots democracy regulations; monitoring activities of socio-political organizations; the model of socialization of environmental protection; enhancing the role of the community; the National Target Programs, projects for socio-economic development and environmental protection. Currently, the article has proposed a number of recommendations which include that it is necessary to institutionalize the Party's views on environmental protection, based on the principle of the right approach “*People know, people discuss people do, people control, people inspect, people supervise, people benefit*” to ensure transparency and to develop regulations for organizations, individuals, households and communities to actively participate in environmental protection activities.

### 1. Đặt vấn đề

Môi trường ngày càng trở thành vấn đề nóng của toàn cầu, ảnh hưởng ngày càng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), chất lượng cuộc

sống và sức khỏe của nhân dân. Nhận thức rõ tầm quan trọng của môi trường, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) đất nước, Đảng ta luôn coi bảo vệ môi trường

(BVMT) là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, song hành với nhiệm vụ phát triển KT-XH. Qua 35 năm đổi mới đất nước, Đảng ta đã có một hệ thống các quan điểm về BVMT xuyên suốt, nhất quán đồng thời thường xuyên tổng kết, bổ sung, hoàn thiện các quan điểm cho phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước cũng như xu thế thời đại.

Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị về *Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước* nhấn mạnh: “BVMT là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển KT-XH của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH-HĐH đất nước” [2]; “BVMT là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển KT-XH, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế” [3]. Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “*biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường... diễn biến phức tạp, cùng với các thách thức truyền thống và phi truyền thống khác sẽ còn tác động mạnh đến sự phát triển của nước ta trong những năm tới*” [4]. Mục tiêu cụ thể về môi trường được xác định: “*Đến năm 2030, cơ bản đạt các mục tiêu phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được tiêu hủy, xử lý đạt 98%, trong đó riêng tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt đạt trên 65%*” [4]. Đây là những mục tiêu rất quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, thúc đẩy bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của người dân.

Để thực hiện thành công các mục tiêu về BVMT được Đại hội đề ra, Văn kiện Đại hội

XIII chỉ rõ: “*Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*”. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” [4].

Các nội dung của phương châm trên trong lĩnh vực BVMT đã được triển khai ngày càng sâu rộng, từng bước vững chắc và thực sự đi vào cuộc sống, nhất là phát huy dân chủ ở cơ sở, đạt kết quả tích cực. Chế độ dân chủ đại diện được phát huy. Dân chủ trực tiếp ở các cấp, dân chủ ở cơ sở được mở rộng, nhân dân được bàn và quyết định những công việc quan trọng, thiết thực, gắn liền với lợi ích của nhân dân, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ. Công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (CT-XH) và đoàn thể nhân dân được chú trọng và đạt nhiều kết quả tốt.

Để làm rõ thêm những khía cạnh của phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” trong lĩnh vực BVMT, bài viết sẽ trình bày một số nội dung cơ bản cũng như đề xuất một số ý kiến góp phần triển khai chủ trương nêu trên trong công tác BVMT.

## **2. Một số nội dung hiện thực hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”**

### **2.1. Thể hiện trong các nội dung của Luật Bảo vệ môi trường 2020**

Luật BVMT 2020 đã thể hiện rất rõ vấn đề dân chủ trong hoạt động BVMT. Chương III và từ Điều 157 đến Điều 163 là những nội dung nòng cốt bao hàm, liên quan trực tiếp đến trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi, công tác giáo dục, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức làm chủ

của các tổ chức thành viên MTTQ Việt Nam, các đoàn viên, hội viên, của các cộng đồng dân cư (xã, phường, thị trấn, thôn, làng, ấp, bản...) và các gia đình trong công tác BVMT. Điều 157, Điều 158 Luật BVMT 2020 quy định “*Trách nhiệm và quyền hạn của MTTQ Việt Nam*” trong tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động BVMT, “...*thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT theo quy định của pháp luật*”, được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về BVMT theo quy định của pháp luật. Luật BVMT 2020 đã quy định rất rõ, cụ thể vai trò của MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên trong lĩnh vực BVMT, đó là: “*Tham vấn đối với dự án đầu tư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình*”, “*Tư vấn, phản biện về BVMT với cơ quan quản lý nhà nước và chủ dự án đầu tư, cơ sở có liên quan theo quy định của pháp luật*”; “*Tham gia hoạt động kiểm tra về BVMT tại dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình*”; “*Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về BVMT*”. “*Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để tổ chức CT-XH, tổ chức CT-XH - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều này*” [8].

## **2.2. Thể hiện qua các hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường**

Trong lĩnh vực BVMT, sự tham gia của người dân vào các hoạt động BVMT có thể được hiểu đó là quyền của mọi công dân theo quy định của pháp luật có khả năng tác động đến quá trình ra quyết định, thực hiện và giám sát các hoạt động BVMT. Trước hết là “*Dân biết*”, là quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân phải bảo đảm công khai, minh bạch; là nhân dân hiểu và nắm rõ được chủ

trương, đường lối, chính sách, pháp luật liên quan đến cuộc sống nhân dân, vận mệnh đất nước, dân tộc để bàn bạc, đóng góp ý kiến góp phần bảo đảm khi được ban hành, thực hiện sẽ đem lại kết quả tốt.

Trong Luật BVMT 1993, quyền tiếp cận thông tin về môi trường đã được ghi nhận: “*Các cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức điều tra, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng môi trường, định kỳ báo cáo với Quốc hội về tình hình môi trường; xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường và thông báo cho nhân dân biết...*” [7]. Các nội dung này đã được đề cập một cách chi tiết hơn trong nhiều điều khoản, từng bước được hoàn thiện trong Luật BVMT 2005, 2013 và gần đây là Luật BVMT 2020 và các luật liên quan.

Trong triển khai thực hiện chủ trương “*Dân biết*” trong lĩnh vực BVMT, ngành tài nguyên và môi trường (TN&MT) đã có những định hướng tuyên truyền kịp thời tới các đơn vị trực thuộc. Trong đó, về nội dung, tập trung đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch để quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên cho phát triển; giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế và BVMT, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Hàng năm, các cơ quan ngành tài nguyên và môi trường phối hợp với các tổ chức CT-XH các cấp đã tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về nội dung các văn bản quy phạm pháp luật mới trong lĩnh vực BVMT; tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ BVMT gắn với cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*; xây dựng các mô hình điểm về BVMT...

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị, Chiến lược BVMT quốc gia và Luật BVMT; Bộ TN&MT đã tiến hành ký kết Nghị quyết liên tịch với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH Về

việc phối hợp thực hiện Chiến lược BVMT quốc gia, một trong những nội dung của Nghị quyết là: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin, truyền thông... để tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nội dung vận động về nhiệm vụ BVMT đến cán bộ và nhân dân ở các địa bàn dân cư; phản ánh, giới thiệu nhiều mô hình, điển hình ở cơ sở, khu dân cư làm tốt công tác BVMT và những vấn đề đặt ra về môi trường ở các địa bàn dân cư; phản ánh các hoạt động giám sát của hệ thống Mặt trận các cấp từ Trung ương đến Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư về thực hiện nhiệm vụ BVMT...

Với sự phối kết hợp giữa ngành TN&MT với chính quyền các địa phương và các tổ chức CT-XH được duy trì thường xuyên trong các hoạt động thông tin, tuyên truyền về BVMT đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội; từ đó tạo thành phong trào huy động toàn dân tham gia BVMT ngày càng rõ nét, góp phần nâng cao hiệu quả của việc phòng ngừa ô nhiễm môi trường, kịp thời giải quyết vấn đề về môi trường ở các địa phương. Đồng thời, để thực hiện chủ trương BVMT, các địa phương đã tích cực cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức liên quan trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân tham gia góp ý vào các chủ trương, chính sách pháp luật về BVMT.

### **2.3. Thể hiện qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở**

Phương châm “dân chủ” với những khâu nòng cốt là “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được đề ra trong Đại hội VIII của Đảng (1996). Nội dung này đã được cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện theo Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) “Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở” và Nghị định số 29/1998/NĐ-CP

ngày 11/5/1998 “Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã”. Đồng thời, trong thời gian này còn có nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung, phát triển năm 2011), Đại hội XII xác định bản chất “Nhân dân làm chủ”, “Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân” là 2 trong 8 đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần phát huy được vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân tham gia bàn bạc những công việc của địa phương, đất nước; góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, hương ước, quy ước và tham gia giám sát hoạt động BVMT ở khu dân cư. Nhiều khó khăn trong các nhiệm vụ BVMT được nhân dân bàn bạc, tháo gỡ, giải quyết có hiệu quả, như vấn đề vệ sinh môi trường, xây dựng nông thôn mới (NTM), đô thị văn minh...

Thực hiện Quy chế dân chủ đã góp phần cải cách hành chính trong giải quyết các vấn đề BVMT, tranh chấp, xung đột môi trường ở địa phương. Công tác đối thoại, tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo và những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của người dân, doanh nghiệp được quan tâm hơn. Ngành TN&MT đã dành nhiều sự quan tâm, có nhiều nỗ lực trong công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo...

### **2.4. Thể hiện qua hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp**

Trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay có hai loại giám sát là giám sát mang tính quyền lực nhà nước (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) và giám sát xã hội (MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, phương tiện thông tin đại chúng và các cá nhân, cộng đồng...). Các tổ chức CT-XH là người đại diện cho cộng đồng dân cư tham gia

BVMT, thực hiện các nhiệm vụ động viên và phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển KT-XH, quản lý tài nguyên và BVMT, góp phần thực hiện và thúc đẩy quá trình dân chủ hóa và đổi mới xã hội.

Các tổ chức CT-XH chú trọng phát huy vai trò trong xây dựng, giám sát, phản biện nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cộng đồng khi tham gia các hoạt động BVMT. Trong những năm qua, các tổ chức CT-XH thể hiện rõ trách nhiệm trong việc tham gia góp ý các văn bản liên quan đến lĩnh vực BVMT, thường xuyên hướng dẫn hội viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật, trong đó có những vấn đề liên quan đến BVMT để có những kiến nghị với Nhà nước bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách, luật pháp có liên quan đến vấn đề môi trường cho phù hợp.

Có thể khẳng định rằng, các tổ chức CT-XH đã và đang chủ động, tích cực, phát huy tính năng động, sáng tạo tham gia công tác BVMT bằng nhiều hình thức, cách làm thiết thực và các mô hình hiệu quả, có sức lan tỏa lớn trong cộng đồng, thể hiện được là các tổ chức đại diện lợi ích và tiếng nói của các tầng lớp nhân dân. Các hoạt động không những giữ gìn môi trường sống, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường mà còn góp phần thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình hạnh phúc, nâng cao chất lượng cuộc sống và góp phần thiết thực trong phong trào toàn dân chung tay xây dựng NTM, đô thị văn minh tại địa phương.

### **2.5. Thể hiện qua việc nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư**

Ở Việt Nam, vai trò của cộng đồng trong phát hiện, tố giác hành vi vi phạm pháp luật về môi trường được quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia. Những cộng đồng tự quản ở địa

phương mà các thành viên đều là lực lượng nhân dân, họ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và giám sát môi trường, phát hiện những sai phạm của việc thực thi pháp luật về BVMT.

Trước yêu cầu phát triển của thực tiễn, Luật BVMT năm 2020 đã bổ sung “*cộng đồng dân cư*” vào phạm vi điều chỉnh (Điều 1 - Phạm vi điều chỉnh: Luật này quy định về hoạt động BVMT; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, *cộng đồng dân cư*, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động BVMT) [8] và đối tượng áp dụng (Điều 2 - Đối tượng áp dụng: Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, *cộng đồng dân cư*, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, lòng đất và vùng trời) [8] nhằm khẳng định vị trí, vai trò của cộng đồng dân cư trong công tác BVMT. Luật khẳng định vị trí, vai trò mà điểm nhấn là các quyền của cộng đồng dân cư và mở ra nhiều quyền khác của cộng đồng khi họ bị tác động xấu về môi trường bởi các tổ chức, doanh nghiệp, dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cụm công nghiệp. Những quy định này gắn liền với những nội dung trong Quy chế dân chủ ở cơ sở, mở ra cho cộng đồng dân cư có nhiều quyền, nhiều trách nhiệm hơn trong các vấn đề về môi trường, đồng thời quy rõ trách nhiệm, giải pháp của mỗi chủ thể trong các tình huống, tranh chấp, xung đột môi trường xảy ra ở cộng đồng dân cư.

Nhằm tạo thuận lợi cho cộng đồng dân cư phát huy vai trò trong công tác BVMT, tại Điều 159 Luật BVMT 2020 đã xác lập, thể hiện rõ quyền, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong BVMT và các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước đối với cộng đồng dân cư tham gia BVMT. Đặc biệt, Luật đã bổ sung quy định: “*Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp có trách nhiệm xây dựng hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về BVMT*”. Người

dân có thể tham gia giám sát thông qua công nghệ thông tin, qua các ứng dụng trên điện thoại. Chủ dự án phải có trách nhiệm trong việc tham vấn cộng đồng dân cư ngay từ khi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Quyền của nhân dân đã được thể hiện rõ trong các hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư các công trình BVMT của cộng đồng, tổ hòa giải ở cơ sở tham gia giải quyết những tranh chấp về môi trường, nhiều nơi hoạt động khá hiệu quả, phát huy được phương thức thực hiện dân chủ trực tiếp của nhân dân tại địa bàn dân cư. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý về những chính sách phát triển của địa phương liên quan đến ô nhiễm môi trường đạt nhiều kết quả.

Thời gian qua, cộng đồng dân cư đã thể hiện vai trò ngày càng quan trọng trong công tác BVMT, tiêu biểu nhất là thông qua việc hình thành các mô hình cộng đồng tham gia BVMT hiệu quả. Đó là các mô hình cam kết BVMT, tổ chức tự quản xử lý ô nhiễm môi trường, lồng ghép xóa đói giảm nghèo với BVMT, vệ sinh môi trường, các phong trào tình nguyện BVMT trong sản xuất nông nghiệp... Các thành phố, thị trấn, thị tứ đã xuất hiện các phong trào tự chủ, tự quản giải quyết các vấn đề môi trường (các đoạn đường thanh niên, phụ nữ, hội cựu chiến binh tự quản). Các hợp tác xã dịch vụ môi trường, nước sạch, vệ sinh môi trường đã và đang hoạt động có hiệu quả.

#### **2.6. Thể hiện qua các hoạt động xã hội hóa trong các hoạt động bảo vệ môi trường**

Xã hội hoá BVMT là nội dung quan trọng hiện thực hóa đầy đủ quan điểm của phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Xã hội hóa công tác BVMT là việc huy động sự tham gia của toàn xã hội, của cộng đồng dân cư tích cực tham gia vào các hoạt động công ích để cải thiện môi trường sống tại địa phương. Nói cách khác, xã hội hóa công tác BVMT là biến các chủ

trương, chính sách, các bộ luật về BVMT thành nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội: từ những nhà hoạch định chính sách, những nhà quản lý, cộng đồng doanh nghiệp cho tới mọi người dân ở mọi lứa tuổi trong xã hội.

Với chủ trương xã hội hóa BVMT, Nghị quyết 41/NQ-TW (ngày 15/11/2004) của Bộ Chính trị đã nêu cần xác định rõ trách nhiệm BVMT của Nhà nước, cá nhân, tổ chức và cộng đồng; tạo cơ sở pháp lý và cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác BVMT; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về BVMT. Trong thời gian qua, hoạt động xã hội hóa BVMT đã có những thành công đáng ghi nhận. Rõ nét nhất là trong lĩnh vực thu gom, xử lý chất thải rắn; hàng loạt các HTX, các tổ vệ sinh môi trường đang hoạt động rất hiệu quả trên khắp cả nước đem lại vẻ đẹp cảnh quan từ thành thị đến các vùng nông thôn. Ở TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và nhiều địa phương khác, đã có sự tham gia của các đơn vị tư nhân trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và đang hướng vào phát triển các mô hình hợp tác công - tư trong BVMT.

#### **2.7. Thể hiện qua các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường**

Trong 35 năm đổi mới, Việt Nam đã triển khai hàng loạt các Chương trình phát triển KT-XH, các chương trình, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn... nhằm tăng cường quản lý tài nguyên, BVMT; triển khai hiệu quả các đề án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu theo từng lĩnh vực, đầu tư kết cấu hạ tầng phòng, tránh thiệt hại về người và tài sản của nhân dân. Bảo vệ nguồn nước, xây dựng hệ thống hạ tầng nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, bảo đảm đủ nước phục vụ sản xuất và tiêu dùng của doanh nghiệp

và người dân đã đem lại những lợi ích thiết thực cho người dân và cộng đồng. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến hết năm 2020, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt khoảng 57 triệu người (88,5%), trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế đạt khoảng 33 triệu người (51,7%) với 41,6% từ công trình cấp nước tập trung và 10% từ công trình cấp nước qui mô hộ gia đình. Tỷ lệ hộ gia đình có 3 công trình hợp vệ sinh ngày càng tăng lên, có 75% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh; 94% số trường học và 96% trạm y tế xã có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh [11]. Người dân đã thấy được lợi ích trực tiếp từ các hoạt động BVMT mà họ đã trực tiếp tham gia.

Trong những năm gần đây, có thể kể đến Chương trình xây dựng NTM. Những mục tiêu mà Chương trình đạt được thể hiện rõ phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” từ kết quả thực hiện tiêu chí về KT-XH nói chung và các tiêu chí về môi trường nói riêng.

Xây dựng nông thôn thân thiện với môi trường là 1 trong 19 tiêu chí xây dựng NTM, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng sống của người nông dân. Trong 19 tiêu chí quy định theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM, vấn đề môi trường thuộc tiêu chí 17; trong đó có nói đến 5 nội dung, đó là: Tỷ lệ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia; Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp; Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.

Chương trình xây dựng NTM đã góp phần tích cực thay đổi toàn diện bộ mặt KT-XH nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. Công tác xây dựng cảnh quan, thực hiện vệ sinh môi trường có sự chuyển biến

vượt bậc, tiêu biểu cho thành quả xây dựng NTM. Những phong trào như “*Sạch làng, đẹp ruộng*”... đang dần dần nâng cao ý thức của cư dân nông thôn về giữ gìn môi trường sinh thái và môi trường xã hội. Đặc biệt, nhiều địa phương đã vận động được các hộ đồng bào dân tộc thiểu số di dời chuồng trại chăn nuôi ra khỏi nhà sàn. Nhiều mô hình cải tạo cảnh quan ở thôn, bản, ấp đã được các địa phương áp dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế như: mô hình “*dòng sông không rác*”; mô hình “*biển bãi rác thành vườn hoa*”; mô hình trồng hoa, cây xanh “*từ nhà ra ruộng*”; mô hình “*tôn giáo tham gia BVMT, giảm nghèo bền vững*”... đã góp phần tạo nên một diện mạo mới ở nông thôn. Một số địa phương (khu vực hải đảo, bãi ngang ven biển) gặp khó khăn trong việc cung cấp nước sạch, đã có các giải pháp để khắc phục, phù hợp với điều kiện thực tế, từng bước nâng cao tỷ lệ được sử dụng nước sạch. Chương trình góp phần tăng sự hài lòng với cuộc sống của cư dân nông thôn, tạo nền tảng ổn định CT-XH thông qua tăng thu nhập và giảm nghèo nông thôn.

### **3. Những vấn đề đặt ra trong thể chế hóa phương châm bảo vệ môi trường theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng**

Từ cơ sở lý luận, thực tiễn, có thể thấy những vấn đề đặt ra là: làm sao thể chế hóa các quan điểm của Đảng, đưa phương châm thành các quy định chặt chẽ, đồng bộ, cụ thể trong hệ thống pháp luật; cách thức triển khai, thực hiện; dân là chủ phải gắn với kỷ cương, phép nước, đảm bảo tinh thần thượng tôn pháp luật; phát huy tính ưu việt, bản chất tốt đẹp dân chủ XHCN.

Hiện nay, có rất nhiều vấn đề liên quan đến công tác BVMT còn gặp khó khăn, vướng mắc, nổi cộm, tồn đọng từ nhiệm kỳ này sang nhiệm kỳ khác mà ít khi được đưa ra cho “*dân bàn*”. Chẳng hạn, vấn đề lợi ích của cộng đồng dân cư nơi có các khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động; mối quan hệ giữa cộng đồng dân cư ở khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp với

những người quản lý; làm thế nào để phát huy quyền làm chủ trực tiếp của người dân trong công tác BVMT đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường đang bức tử các dòng sông...? Đây là những vấn đề tồn tại, gây bức xúc ở nhiều nơi nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Nếu không lường trước sẽ xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, gây căng thẳng giữa các bên, ảnh hưởng xấu đến ổn định CT-XH, sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

Để quyền làm chủ của nhân dân đi vào thực tế của đời sống xã hội, phải tạo ra được những thể chế, chủ trương, chính sách thích hợp. Khi quyền làm chủ của người dân được tôn trọng và bảo đảm, sẽ tạo nền tảng, cơ sở vững chắc để các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và về lĩnh vực BVMT nói riêng được thực hiện có hiệu quả trong thực tế. Muốn thực hiện được điều đó, cần dân chủ hóa mọi hoạt động của cả hệ thống chính trị, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia quản lý công việc của Nhà nước và xã hội, đóng góp trí tuệ và vật chất để xây dựng, phát triển KT-XH và BVMT.

Phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*" là các quyền của người dân được tham gia vào các hoạt động BVMT và có thể hiểu một cách khái quát là: quyền của mọi công dân theo quy định của pháp luật có khả năng tác động đến quá trình ra quyết định, thực hiện và giám sát các hoạt động BVMT. Hiệu quả BVMT cao hay thấp, chất lượng tốt hay kém, nhiều người hay ít người tham gia, phong trào BVMT có rộng lớn, bền vững hay không... phụ thuộc vào thái độ, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, yêu cầu đối với người lãnh đạo (nhất là đối với người đứng đầu) là phải cầu thị, không dân chủ hình thức trong thực hiện triển khai phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*" ở địa phương mình,

thì dân sẽ cùng bàn bạc và hưởng ứng; có vấn đề cần "*dân biết, dân bàn*" để giải đáp về các giải pháp BVMT. Có vấn đề cần "*dân biết, dân bàn*" để xây dựng chính sách, cơ chế, quy định về BVMT; có vấn đề đưa ra "*dân bàn*" để hỏi ý kiến của dân nhằm giải quyết một vấn đề môi trường nổi cộm nào đó...

Về vấn đề "*dân kiểm tra, dân giám sát*" là một trong những nội dung về quyền làm chủ của dân trong xu hướng mở rộng dân chủ hiện nay. Về nội hàm khái niệm "*kiểm tra*" và "*giám sát*" đều là hoạt động nhằm mục đích nắm vững và đánh giá đúng thực chất tình hình, từ đó để phòng ngừa, ngăn chặn, điều chỉnh, uốn nắn mọi hành vi của tổ chức và cá nhân vi phạm thực hiện BVMT. Qua công tác giám sát để kịp thời nhắc nhở, ngăn chặn vi phạm từ lúc còn manh nha, nếu phát hiện có dấu hiệu sai phạm phải kiểm tra; muốn thực hiện tốt việc kiểm tra thì phải thường xuyên thực hiện việc giám sát. Do đó cần có cơ chế để người dân thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát thì công tác BVMT mới có hiệu quả và bền vững. Hiện nay, trong công tác kiểm tra, giám sát của người dân về BVMT còn nhiều bất cập. Nguyên nhân mấu chốt, sâu xa nhất là chưa thể chế hóa, cụ thể hóa vấn đề này thành các quy chế, quy định mang tính pháp quy, vướng mắc do xác định nội hàm, nội dung kiểm tra của dân bị hạn chế, bó hẹp và vì phương châm không mang tính bắt buộc.

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở cũng là một trong những khó khăn, bất cập nổi cộm trong quá trình thực hiện phương châm dân chủ, đó là việc quy rõ trách nhiệm, xử lý những chủ thể, cơ sở gây ô nhiễm môi trường ở cộng đồng dân cư cũng như việc khiếu kiện, xung đột môi trường kéo dài, phức tạp. Ở nhiều địa phương, nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, như gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn, bức tử nhiều sông, hồ... Tuy nhiên chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư không có thẩm

quyền xử lý, cộng đồng dân cư phải chịu đựng hết năm này sang năm khác. Người dân ở cơ sở hoàn toàn không được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường.

Như vậy, khi thực hiện “*dân kiểm tra*” không chỉ xem xét việc thể chế vấn đề dân trực tiếp giám sát, kiểm tra hoạt động của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ BVMT... mà phải xem xét một cách đồng bộ cơ chế giám sát, kiểm tra, thanh tra hệ thống chính trị, xã hội.

Vấn đề xã hội hóa BVMT cũng đang có nhiều bất cập, cụ thể là chưa xây dựng được các quy định pháp lý để khuyến khích khối tư nhân tham gia sâu rộng hơn nữa vào BVMT, ví dụ như trong lĩnh vực xử lý, phục hồi các điểm ô nhiễm; chưa có cơ chế cạnh tranh lành mạnh và công bằng; vẫn còn những đối xử chưa thực sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tham gia BVMT.

#### **4. Kết luận và khuyến nghị**

##### **4.1. Kết luận**

Phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” là động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình hiện thực hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong cuộc sống xã hội. Phương châm đã phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dân chủ XHCN ngày càng tốt hơn trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp năm 2013; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm công dân đối với xã hội.

Trong hoạt động BVMT, chủ trương “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” đã được cụ thể hóa trong các nội dung của Luật BVMT, qua việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, vai trò của các tổ chức CT-XH và đặc biệt là vai trò của người

dân trong thực hiện giám sát, kiểm tra và hưởng lợi từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án phát triển KT-XH... Vai trò của người dân trong việc thực hiện các hoạt động BVMT ngày càng được nâng cao, đặc biệt, người dân đã được tham gia vào các quá trình ra quyết định, xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến môi trường... góp phần nâng cao hiệu quả của các cơ chế, chính sách và đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại trong thực tiễn cần khắc phục như mối quan hệ giữa lợi ích của cộng đồng địa phương với các khu công nghiệp, khu chế xuất và các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, vai trò của người dân trong việc giám sát, kiểm tra các hoạt động BVMT còn chưa hiệu quả và gặp một số rào cản, sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã dịch vụ môi trường trong quá trình xã hội hóa công tác BVMT... Vì vậy, để đưa phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” vào cuộc sống, đặc biệt là trong hoạt động BVMT cần có sự quyết tâm rất lớn từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị; nhận thức phải thống nhất từ trên xuống dưới, nhất là đối với cơ sở; thực hiện nghiêm túc những nội dung liên quan đến phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở bảo đảm pháp chế trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện các chủ thể có hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

##### **4.2. Một số khuyến nghị**

Đề quan điểm, chủ trương “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” của Đảng trong hoạt động BVMT được thực hiện thắng lợi trong thực tiễn cần những yếu tố và điều kiện sau đây:

*Một là*, công tác kiểm tra, giám sát của người dân về BVMT còn nhiều bất cập, do vậy, cần

tăng cường vai trò và trách nhiệm của MTTQ và các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng dân cư, cá nhân và các cơ quan truyền thông, phát huy thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng làm tốt công tác giám sát, phản biện xã hội về BVMT ở trên địa bàn dân cư.

*Hai là*, thể chế hóa quan điểm của Đảng trong công tác xã hội hóa hoạt động BVMT, dựa trên nguyên tắc tiếp cận theo Quyền “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” đảm bảo tính minh bạch, để xây dựng các quy định cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư chủ động tham gia vào hoạt động BVMT. Thực hiện chủ trương kinh tế hóa ngành TN&MT, theo đó cần rà soát lại và chuyển đổi các cơ chế quản lý theo cơ chế quản lý thị trường; xây dựng và thực hiện các mô hình hợp tác công tư, nhà nước và nhân dân cùng thực

hiện các hoạt động BVMT, đặc biệt là trong việc khắc phục, cải tạo các điểm nóng về môi trường. Việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác giữa chính phủ và khu vực tư nhân (hợp tác công - tư, PPP) trong các hoạt động BVMT sẽ góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy các sáng kiến môi trường bền vững.

*Ba là*, phát huy vai trò của các tổ chức CT-XH, xã hội nghề nghiệp: cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức CT-XH, các tổ chức phi chính phủ, của cộng đồng trong việc thực thi các quy định pháp luật về BVMT. Đồng thời để cộng đồng tham gia tích cực vào việc BVMT, Nhà nước cần mở rộng và tăng cường các hình thức tuyên truyền, cung cấp thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng. Xây dựng chính sách huy động cộng đồng tham gia công tác quản lý môi trường, giám sát thực thi pháp luật về BVMT ở địa phương.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị (1998), Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 về *Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*.
2. Bộ Chính trị (1998), Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 về *Tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước*.
3. Bộ Chính trị (2004), Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 về *Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước*.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2021, tập I, tr.27-28, 107-108, 172-173, 276.
5. Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (2019), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*.
6. Hiến pháp 1992, Điều 69.
7. Luật Bảo vệ môi trường 1993 (Điều 10).
8. Luật Bảo vệ môi trường 2020, Luật số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
9. Tổng cục Thống kê (2021), *Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả 'to lớn, toàn diện và...'* <https://www.gso.gov.vn> > 2021/09 > xay-dung-nong-th...18 thg 9, 2021, truy cập ngày 12/6/2022.
10. IPSARD (2021), *Kinh nghiệm đánh giá kết quả của chính sách xây dựng nông thôn mới*, <http://tailieu.ttbtd.gov.vn> > index.php > tin-tuc > item 27 thg 4, 2021 truy cập ngày 20/6/2022.
11. Trung tâm Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (2020), *Chiến lược quốc gia về nước sạch và vệ sinh nông thôn đến 2030, tầm nhìn đến 2045*.
12. Ngô Văn Sỹ, (2021), *Nhìn lại hơn 20 năm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 16/6/2022.
13. Vũ Lân (2021), *Bảo vệ môi trường theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, *Tạp chí Môi trường*, số 6/2021.

### **Thông tin tác giả:**

Trần Ngọc Ngoạn – Viện Địa lí nhân văn  
Địa chỉ: Số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Email: ngoantrandlnv@yahoo.com; ĐT: 091 323 7204

### **Nhật ký tòa soạn**

Ngày nhận bài: 12/5/2022  
Biên tập: 6/2022